TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2019/DS-PT
Ngày: 06.8.2019
V/v "tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh
Các thẩm phán: Bà Võ Bích Hải
Bà Nguyễn Thị Thùy T

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:
Ông Nguyễn Văn Phí - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 86/TLPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2019 về "Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 213/2018/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 154/2019/QĐPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1968. (có mặt)

Địa chỉ: ấp T A, xã T, huyện L, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: 2.1 Ông Trần Văn H, sinh năm 1953 (vắng mặt).

2.2 Ông Trần Minh K, sinh năm: 1975 (vắng mặt)

2.3 Bà Trần Thị Thùy T, sinh năm: 1974 (vắng mặt)

2.4 Bà Trần Bạch T2, sinh năm: 1978 (có mặt)

2.5 Ông Trần Quốc T3, sinh năm: 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TB, xã T, huyện L, thành phố Cần Thơ.

Đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trần Văn H: bà Trần Bạch T2, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp Thới Phước B, xã Thới Tân, huyện L, thành phố Cần Thơ. (Có mặt). Theo văn bản ủy quyền ngày 19/11/2018.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Trương Thị L (vắng mặt)

3.2 Bà Nguyễn Thị M (vắng mặt)

3.3 Ông Lý Hoàng S (có mặt)

3.4 Bà Bùi Thị H1 **(**vắng mặt)

Địa chỉ: Cùng trú tại ấp Thới Phước B, xã Thới Tân, huyện L, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn bà Trần Thị D khởi kiện yêu cầu các bị đơn gồm: ông Trần Văn H, Trần Minh K, Trần Thị Thùy T, Trần Bạch T2, Trần Quốc T3 có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 63.000.000 đồng gồm: tiền bồi thường tổn thất tinh thần 50.000.000 đồng; Tiền thuốc theo toa, hóa đơn là 4.000.000 đồng; Tiền ăn của người bệnh 20 ngày là 2.000.000 đồng; Tiền ngày công lao động của người bệnh 20 ngày là 3.000.000 đồng; Tiền ngày công lao động của người nuôi bệnh là 4.400.000 đồng với lý do vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 13/7/2017, gia đình bà có mâu thuẫn liên quan đến tranh chấp đất (là cái bờ) với gia đình ông H, sau khi lời qua tiếng lại thì ông H dùng cây dầu vuông đánh mạnh vào đầu bà nhưng do bà có đội nón bảo hiểm nên không bị thương tích ở đầu, ông H được những người con can ngăn giật cây dầu vuông lại, ngay sau đó ông H dùng tay đánh vào mắt bà làm bầm mắt, tiếp theo con của ông H là Trần Minh K, Trần Thị Thùy T, Trần Bạch T2, Trần Quốc T3 nhào vô đánh vào nhiều vùng trên người bà gây thương tích, trong khi đó có vợ của T3 (tên H1), vợ của K tham gia xô bà té ngã. Sau khi bị gia đình ông H gây thương tích bà phải nhập viện tại bệnh viện đa khoa huyện L điều trị từ ngày 13/7/2017 đến ngày 01/8/2017 có giấy chứng nhận thương tích kèm theo. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn H, Trần Minh K, Trần Thị Thùy T, Trần Bạch T2, Trần Quốc T3 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà các khoản chi phí trên.

*Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: các bị đơn ông Trần Văn H, Trần Minh K, Trần Bạch T2, Trần Quốc T3 không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà D vì ông H cho rằng: nguồn gốc cái bờ của ông Trần Văn Thu là anh ruột bà D bán cho ông H có làm giấy tay, ông có đốn cây gòn trên phần đất này thì bà D đến ngăn cản nói lời khó nghe, tiếp theo bà D nhào vô đánh ông, Trần Bạch T2 con ông mới can ra, bà D đánh T2 bằng ổ khóa cầm trong tay, thấy vậy, ông dùng nẹp tre bẻ trên vách nhà của Bạch T2 đánh một cái trúng vào mỏ nón bảo hiểm của bà D, sau đó thì Bạch T2 ôm và xô ông ra. T nhào vô xô xát với bà D. Tại thời điểm xô xát ông không thấy bà D bị thương tích gì.

Ông Trần Minh K trình bày: Ngày 13/7/2017 sau khi nghe bà D chửi cho rằng phần đất là cái bờ là của bà D thì ông có ra nói chuyện với bà D, nói: "Đất nào là đất của bà" thì vợ ông là Bùi Thì H1 đẩy ông vô nhà, chứ ông không có tham gia xô xát với bà D. Đối với các khoản mà bà D yêu cầu bồi thường với số tiền 63.000.000 đồng thì ông không đồng ý bồi thường phần nào do ông không có gây thương tích cho bà D.

Bà Trần Bạch T2 trình bày: Ngày 13/7/2017 sau khi nghe cha của bà là ông H la do bà D nhào vô đánh cha của bà thì bà chạy lại can ra, bà D dùng ổ khóa cầm trong tay đánh trúng vào gò má của bà, tiếp đó chị T chạy lại can ra và bà D cũng dùng ổ khóa đánh trúng vào đầu. Bà và T xô đẩy bà D về phần đất của em bà D là bà Vân. Sau đó bà D dùng gạch ống chọi nhiều cái trúng chị T vào đầu, bụng, vai. Thời điểm này bà không thấy bà D bị thương tích gì. Đối với các khoản mà bà D yêu cầu bồi thường với số tiền 63.000.000 đồng thì bà không đồng ý bồi thường phần nào do bà không có gây thương tích cho bà D.

Ông Trần Quốc T3 có lời khai: Ngày 13/7/2017 sau khi sự việc xảy ra cự cãi, xô xát giữa bà D và cha của ông xảy ra xong thì ông mới đi ruộng về, không có tham gia can ngăn hay xô xát gì với bà D. Sự việc xảy ra ông cũng không chứng kiến nên không đồng ý bồi thường phần nào do ông không có gây thương tích cho bà D.

Bà Trần Thùy T không có mặt theo thông báo, triệu tập của Tòa án nên không có lời khai liên quan đến nội dung tranh chấp. Bà Trần Thùy T có gửi văn bản ủy quyền ghi nhưng văn bản ủy quyền này không hợp lệ.

Bà Bùi Thị H1 trình bày: Bà là con dâu của ông Trần Văn H và là vợ của Trần Minh K. Ngày 13/7/2017 sau khi nghe bà D chửi gia đình bà thì bà có nói với bà D có chửi thì về nhà bà chửi, lúc bà D chửi bà có dùng tay đẩy bà D về nhưng bà D cứ lấn tới, cha chồng bà ra thì bà D dùng ổ khóa đánh cha chồng bà, bà bước tới can ra. Tiếp đó cha chồng bà mới bẻ nẹp tre đánh một cái trúng vào mỏ nón bảo hiểm của bà D. Sau đó, bà đẩy cha chồng bà vô nhà và không chứng kiến gì thêm.

*Vụ việc được hòa giải nhưng không thành và đưa ra xét xử. Tại bản án số 213/2018/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L xét xử và quyết định như sau:

-Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D. Buộc ông Trần Văn H, bà Trần Thùy T và bà Trần Bạch T2 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà Trần Thị D số tiền 5.936.603 đồng.

-Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

*Ngày 03 tháng 12 năm 2018, bị đơn bà T2 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử với nội dung chỉ đồng ý bồi thường tiền thuốc cho nguyên đơn, không đồng ý bồi thường tiền công lao động và tiền ăn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: Bị đơn bà T2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Đối chiếu các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, thấy rằng, giữa gia đình ông H, bà T, bà T2 với bà D có xay ra xô xát, lúc đôi có thì ông H có dùng nẹp tre đánh vào đầu bà D gây thương tích là có dẫn đến bà D phải nằm viện điều trị 20 ngày, xác định người tham gia xô xát với

bà D gồm có bà T, bà T2, ông H nên buộc những người này có trách nhiệm bồi thường cho bà D theo như án sơ thẩm là phù hợp, đề ngị giữ nguyên án sơ thẩm. Phần án phí ông H được miễn, cấp sơ thẩm buộc ông H liên đới chịu án phí cùng bà T và bà T2 là chưa đúng quy định, cần sửa lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Việc vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và bị đơn: do có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và người vắng mặt là bị đơn ông T3, ông K, bà T không có kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà T2: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, thấy rằng, vào ngày 13/7/2017 giữa nguyên đơn và các bị đơn gồm ông H, bà T và bà T2 có xảy ra việc đánh nhau, lúc xảy ra xô xát thì bị đơn ông H có dùng nẹp tre đánh nguyên đơn, bị đơn T2 và T cũng có tham gia đánh nguyên đơn. Đồng thời phía bà D cũng có đánh bị đơn T và T2, nhưng hai bị đơn T và T2 bị thương tích nhẹ nên không có yêu cầu gì. Đối với nguyên đơn, sau khi xảy ra sự việc đánh nhau thì nhập viện điều trị cùng ngày, đến 01/8/2017 mới xuất viện. Thời gian điều trị là 20 ngày. Bị đơn ông T3 và K không tham gia đánh nguyên đơn chỉ có bà T, T2 và ông H đánh nguyên đơn. Vậy có cơ sở xác định phía các bị đơn T, H và T2 có lỗi, hành vi có lỗi của các bị đơn là nguyên nhân gây ra thương tích cho bà D là có nên buộc các bị đơn ông H, bà T và bà T2 phải có trách nhiệm liên đới cùng bồi thường cho nguyên đơn.

[2] Về số tiền bồi thường cũng như mức bồi thường:

[2.1] Về tiền thuốc điều trị: cấp sơ thẩm xác định 936.603 đồng, nguyên đơn và bị đơn cũng thống nhất số tiền này, buộc các bị đơn T, ông H và T2 bồi thường là đúng quy định.

[2.2] Về tiền công lao động: do bị đánh nên nguyên đơn nằm điều trị trong 20 ngày không lao động, chắc chắn thu nhập bị mất. Nên buộc các bị đơn phải bồi thường. Về mức bồi thường, do bà D có nghề bán trái cây, không xác định chính xác nên tính trung bình 150.000 đồng/ngày là phù hợp. Tổng cộng tiền thu nhập buộc các bị đơn bồi thường cho nguyên đơn là 150.000 đồng/ngày x 20 ngày= 3.000.000 đồng.

[2.3] Về bồi thường tiền ăn cho người bệnh: Nếu không có sự việc đánh nhau dẫn đến thương tích phải nằm viện thì nguyên đơn cũng phải ăn. Nhưng thương tích ít nhiều sẽ làm cho sức khỏe giảm đi nên cần phải bồi dưỡng và nếu như không có hành vi của các bị đơn đánh nguyên đơn thì đã không có xảy ra thương tích nên cần xác định là tiền bồi dưỡng chứ không phải tiền ăn như án sơ thẩm xác định. Việc bồi thường chi phí bồi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật cụ thể tại điểm khoản 1 điều 590 Bộ luật dân sự. Mức bồi dưỡng cần xác 100.000 đồng/ngày là phù hợp. Tổng cộng 20 ngày x 100.000 đồng/ngày = 2.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản buộc các bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn bà D là 5.936.603 đồng.

[4] Từ những nhận định trên nên án sơ thẩm đã xét xử đúng quy định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ. Vì vậy, với kháng cáo của bị đơn bà T2 yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án với nội dung chỉ đồng ý bồi thường tiền thuốc cho nguyên đơn là không có cơ sở.

[5] Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm: các đương sự phải chịu theo quy định. Riêng bị đơn H là người cao tuổi được miễn. Cấp sơ thẩm buộc ông H phải chịu là chưa đúng quy định nên cần sửa lại. Án phí phúc thẩm, người kháng cáo là bà T2 phải chịu do không được chấp nhận yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

-Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 357, 584, 585, 587 và Điều 590 của Bộ Luật Dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Bạch T2.

Sửa phần án phí của Bản án dân sự sơ thẩm số 213/2018/DS-ST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị D.

Buộc ông Trần Văn H, bà Trần Thị Thùy T và bà Trần Bạch T2 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà Trần Thị D số tiền 5.936.603 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị Thùy T và bà Trần Bạch T2 có trách nhiệm liên đới nộp 300.000 đồng.

- Dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà T2 phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 002976 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân huyện L;
-Viện kiểm sát cùng cấp;
-Cơ quan Thi hành án dân sự huyện L;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Phương Thanh